

GIẢI KHUYẾN HỌC KỲ XXI-2009

CHƯƠNG TRÌNH TỔNG QUÁT

TIỂU HỌC 2

I. VĂN:

A. Tục ngữ, ca dao:

Gồm 8 câu tục ngữ và 4 câu ca dao. Cần học thuộc và hiểu nghĩa chính.

B. Ngữ vựng:

Học một số ngữ vựng thông thường, giới hạn trong chủ đề dưới đây:

1. **Thân thể con người:**
 - a. Các bộ phận bên trong thân mình.
 - b. Vị trí của các bộ phận này.
2. **Sinh hoạt hằng ngày:**
 - a. Vệ sinh thường thức.
 - b. Động từ thông thường hằng ngày.
3. **Các loại động vật và bộ phận của chúng:**
 - a. Các loại động vật.
 - b. Các bộ phận.
4. **Một số trái cây thông thường:**
 - a. Các loại trái cây.
 - b. Các phần của trái cây.
5. **Tính chất, hương vị.**
6. **Hình thể, hình dáng.**
7. **Thời tiết, phương hướng.**

C. Từ đồng nghĩa, phản nghĩa:

1. Đồng nghĩa: học 10 từ đơn.
2. Phản nghĩa: học 10 từ đơn.

D. Học thuộc lòng:

Học thuộc 3 bài ngắn và hiểu nghĩa chính.

E. Tập đặt câu:

Tập đặt câu với những từ cho sẵn.

II. LỊCH SỬ

1. Phù Đổng Thiên Vương
2. Mỵ Châu, Trọng Thủy.
3. Sơn Tinh, Thủy Tinh.
4. Lê Quý Đôn thần đồng nhớ giỏi.
5. Vũ Công Duệ ông Trạng trung cang.

III. ĐỊA LÝ:

1. Hình thể nước Việt Nam, các nước giáp giới.
2. Các thành phố lớn của ba miền Bắc, Trung, Nam.

GIẢI KHUYẾN HỌC KY XXI-2009
TÀI LIỆU HỌC THI
TIỂU HỌC 2

I. VĂN:

A. Tục ngữ và Ca dao:

1. Tục ngữ:

- a. Đối cho sạch, rách cho thơm.
- b. Uống nước nhớ nguồn.
- c. Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng.
- d. Một sự nhịn, chín sự lành.
- e. Đông sao thời nắng, vắng sao thời mưa.
- f. Một con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ.
- g. Có chí thì nên.

Câu hỏi gợi ý

1. Câu tục ngữ nào khuyên ta kiên nhẫn thì việc gì cũng sẽ thành công?
2. Câu tục ngữ nào khuyên chúng ta nên chọn bạn mà chơi?

2. Ca dao:

- a. Khôn ngoan đối đáp người ngoài,
Gà cùng một mẹ, chớ hoài đá nhau.
- b. Tốt gỗ hơn tốt nước sơn,
Xấu người đẹp nết, còn hơn đẹp người.
- c. Ở hiền thì lại gặp lành,
Những người nhân đức trời dành phúc cho.
- d. Ai ơi chớ vội cười nhau,
Cười người hôm trước, hôm sau người cười.

Câu hỏi gợi ý :

1. Câu ca dao nào nói đến sự thương yêu, đùm bọc lẫn nhau, đừng nên chia rẽ?
2. “Ai ơi chớ vội cười nhau, cười người hôm trước hôm sau người cười” khuyên chúng ta điều gì?

B. Ngữ vựng:

1. Cơ thể con người:

a. Ngực (chest):

- Phổi (lung), tim (heart), mạch máu (veins), động mạch (arteries).

b. Bụng (abdomen):

- Gan (liver), túi mật (gallbladder), bao tử, dạ dày (stomach), ruột non (small intestine), ruột già (large intestine).

- Bắp thịt (muscles), lá lách (pancreas), thận (kidneys), bóng đái (bladder).

c. Lưng (back):

- Xương sống (spinal cord).

Câu hỏi gợi ý:

1. Phổi nằm ở phía trước hay phía sau của cơ thể?
2. Bao tử được dùng để làm gì?

2. Sinh hoạt hằng ngày:

- **Buổi sáng:** thức dậy, rửa mặt, đánh răng, súc miệng, tắm rửa, thay quần áo, ăn sáng, thu dọn sách vở, dọn dẹp đồ đạc, đồ chơi.
- **Đến trường:** vào lớp, chăm chỉ, chăm chú lắng nghe, chạy nhảy, vui đùa, tập thể dục.
- **Buổi trưa:** ăn trưa, ngủ trưa, đọc sách.
- **Buổi chiều:** đi học về, xem truyền hình, xem phim hoạt họa, cơm chiều, phụ giúp cha mẹ.
- **Buổi tối:** học bài, ôn bài, làm bài tập, đi ngủ sớm.

Câu hỏi gợi ý:

1. Có bao nhiêu buổi trong một ngày?
2. Các em hãy xếp theo thứ tự thời gian những sinh hoạt sau đây: đi học, đi ngủ, ăn sáng.

3. Động từ thông thường hằng ngày:

- Chạy, nhảy, đi, đứng, ngồi, nằm, quỳ, bò, leo trèo.
- Ăn, uống, tắm, rửa, lau chùi, quét, cắt, chặt, gọt, bóc.
- Nói, đọc, hát, viết, vẽ, tô màu, học bài, làm bài.

Câu hỏi gợi ý:

1. Chân dùng để làm gì?
2. Miệng dùng để làm gì?

4. Các loại động vật và các bộ phận của chúng:

a. Các loại động vật:

- **Gia súc:** chó, mèo, trâu, bò, ngựa, heo, gà.
- **Gia cầm:** gà, vịt, ngỗng.
- **Vài loại côn trùng thường gặp:** ruồi, muỗi, sâu, châu chấu, ốc sên, dế, kiến...
- **Thú rừng:** sư tử, cọp (hổ), beo (báo), voi, gấu, nai, sóc, thỏ, rắn, chim

b. Tên các bộ phận:

- Lông, sừng, vôi, mỏ, mõm, mào, bờm, cánh, vẩy, đuôi.

Câu hỏi gợi ý:

1. Gia súc khác với gia cầm như thế nào?
2. Trong phim vẽ Lion King, vai chính là con vật gì?
3. Trên da của con cá có gì?

5. Một số trái cây thông thường và các phần của cây trái:

a. Các loại trái cây:

- Cam, nho, táo, chuối, lê, đào, mận, dưa hấu, xoài, ổi, mít, sầu riêng.

b. Các phần của trái cây:

- Vỏ, hạt, ruột, cùi, cuống, chùy, trái (quả).
- Cành, chồi, mầm, rễ.

Câu hỏi gợi ý:

1. Hãy kể tên 2 loại trái cây có hạt?
2. Hãy kể tên loại trái cây bên ngoài có vỏ sần sì?

6. Tính chất, hương vị:

a. Tính chất:

- Cứng, mềm, dẻo, dai, đặc, lỏng, nhão.

b. Hương vị:

- Cay, đắng, ngọt, bùi, chua, mặn, thơm, thối (thối), hôi, tanh.

Câu hỏi gợi ý:

1. Nước có tính chất gì?
2. Thuốc có vị gì?

7. Hình thể, hình dáng:

- Vuông, chữ nhật, tròn, méo, bầu dục, nón, ống, tam giác, lục giác, bát giác.
- Dài, ngắn, cong, thẳng, cao, thấp, mập, gầy (ốm).

Câu hỏi gợi ý:

1. Hãy kể tên hai hình có 4 cạnh?
2. Trái đất, bánh xe, và mặt trời hình gì?

8. Thời tiết, phương hướng:

- 4 mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông
- Mát, nóng, lạnh, ẩm, mưa, khô, gió, bão.

Câu hỏi gợi ý:

1. Tết Việt Nam rơi vào mùa nào trong năm?
2. Các em được nghỉ học 3 tháng vào mùa nào?

C. Từ đồng nghĩa, phản nghĩa:

a. Đồng nghĩa:

- Mũ = nón.
- Ca = hát.
- Ăn = xơi.
- Ba = bố, cha.
- Sinh = đẻ.
- Má = mẹ.
- Ngô = bắp.
- To = lớn.
- Gầy = ốm.

b. Phản nghĩa:

- Ngày / đêm.
- Đóng / mở.
- Trên / dưới.
- Khô / ướt.
- Tươi / héo.
- Khóc / cười.
- Già / trẻ.
- Nóng / lạnh.
- Cao / thấp.
- Cong / thẳng.

D. Học thuộc lòng:

1. Đua học.

Em là cậu bé học trò,
Nhưng không dơ bẩn thò lò mũi xanh.
Học hành em cố đua ganh,
Sao cho đọc thạo, viết nhanh như người.
(Hoài Bắc)

Câu hỏi gợi ý:

1. Em là cậu học trò như thế nào?
2. Câu thứ bốn trong bài có ý nói gì?

2. Cố công học tập.

Hôm nào mới biết chữ I,
Mà nay sách báo đọc gì cũng thông.
Em càng ra sức gắng công,
Sao cho xứng đáng con Rồng cháu Tiên.
(Khuyết danh)

Câu hỏi gợi ý:

1. Em có cố sức gắng công học tập không?
2. Em có thấy sung sướng khi đọc thông thạo sách báo không?

3. Ông em.

Ông em tóc bạc lưng còng,
Mẹ cha em dốc một lòng kính yêu.
Bên ông cứ mỗi buổi chiều,
Em nghe ông kể rất nhiều chuyện hay.
(Hoài Bắc)

Câu hỏi gợi ý:

1. Ông em như thế nào?
2. Mẹ cha đối với ông ra sao?

E. Tập đặt câu:

Tập đặt câu với những từ cho sẵn.

II. LỊCH SỬ:

1. Phù Đổng Thiên Vương

Vào đời vua Hùng Vương thứ 6, có đám giặc gọi là giặc Ân, sang quấy phá nước ta. Nhà vua sai sứ đi tìm người tài giỏi ra đánh giặc giúp nước. Bấy giờ ở làng Phù Đổng, tỉnh Bắc Ninh, có hai ông bà đã lớn tuổi mới có đứa con trai lên 3, từ khi sinh ra chỉ nằm ngửa mà không biết nói. Khi sứ giả đến làng ấy, bà mẹ mới đùa rằng: “Sinh được một đứa con trai chỉ biết ăn uống, không biết đứng ngồi thì làm sao mà đánh giặc”.

Người con bỗng nhiên nói với mẹ rằng: “Mẹ hãy gọi sứ giả vào đây, để con nói chuyện”. Bà mẹ mừng quá chạy khoe xóm làng. Ai cũng lấy làm lạ và mọi người cùng đi mời sứ giả. Khi sứ giả đến, người con nói: “Sứ giả về tâu với vua đúc cho ta một con ngựa, thanh gươm và cái roi sắt, rồi đem lại cho ta. Ta sẽ đánh giặc cho.”

Sứ giả về tâu, vua lấy làm lạ nhưng cũng làm những gì mà đứa trẻ đòi. Khi ngựa và roi sắt đúc xong thì đứa trẻ ấy vươn vai một cái, bỗng tự nhiên người cao lớn lên một trượng, rồi nhảy lên ngựa cầm roi đi đánh giặc. Phá được giặc Ân rồi, người ấy đi đến núi Sóc Sơn thì biến mất. Vua nhớ ơn truyền lập đền thờ ở làng Gióng tức là làng Phù Đổng, về sau phong là Phù Đổng Thiên Vương. Dân làng còn nhớ ơn, gọi là thánh Gióng.

Câu hỏi gợi ý:

1. Sự tích Phù Đổng Thiên Vương xảy ra vào thời vua nào?
2. Nước ta lúc đó đang bị giặc nào xâm chiếm?

2. Trong Thủy và My Châu:

Theo tục truyền khi An Dương Vương xây thành Cổ Loa bị yêu quái phá khuấy nên xây mãi không xong, vua lập đàn cầu khẩn. Thần Kim Quy hiện đến bày phép cho vua trừ được yêu quái và xây được thành. Thần lại cho An Dương Vương một cái nỏ thần.

Triệu Đà từ Trung Hoa sang đánh nước ta nhiều lần, nhưng lần nào cũng bị nỏ thần giết hết quân sĩ. Triệu Đà bèn dùng mưu đưa con trai là Trọng Thủy sang kết hôn với My Châu là con gái An Dương Vương. Trọng Thủy lừa vợ cho xem nỏ thần rồi tráo nỏ giả, lấy nỏ thật đem về cho cha. Triệu Đà lại sang đánh, An Dương Vương cậy có nỏ thần không phòng bị. Đến khi giặc đến vây thành, mới lấy nỏ ra dùng thì không còn hiệu nghiệm nữa. An Dương Vương lên ngựa chạy, chở My Châu sau lưng. Đến núi Mộ Dạ, cùng đường, vua cầu khẩn thần Kim Quy. Thần hiện lên bảo: “Chính giặc ngồi sau lưng nhà vua đấy”. Vua quay lại thấy chỉ có con gái của mình đang thả những lông ngỗng để làm dấu. Vua hiểu ý liền chém con rồi tự sát. Trọng Thủy theo những vết lông ngỗng tìm đến, thấy xác My Châu rất lấy làm đau xót, đem về an táng trong Loa thành rồi nhảy xuống giếng mà chết.

Câu hỏi gợi ý:

1. An Dương Vương được thần Kim Quy cho vật gì?
2. Tại sao Triệu Đà đánh không nổi An Dương Vương?

3. Sơn Tinh và Thủy Tinh:

Vua Hùng Vương thứ 18 có một người con gái rất xinh đẹp, đặt tên là My Nương. Vì không có con trai nên vua rất yêu quý My Nương và định kén cho được một người con rể thật tài giỏi để truyền ngôi.

Một hôm có hai chàng trai cùng đến xin cưới My Nương. Cả hai đều tuấn tú và có phép tiên. Một người tên là Sơn Tinh, một người tên là Thủy Tinh. Vua Hùng Vương không biết quyết định thế nào, bèn bảo rằng: “Ngày mai, ai đem đủ lễ cưới đến trước, thì Trẫm sẽ gả con gái cho. Vì một gái không thể lấy hai chồng”. Hôm sau, Sơn Tinh tới trước dâng ngọc ngà, vàng bạc, cưới được My Nương rước về núi. Thủy Tinh đến sau tức giận, hóa phép làm mưa to, gió lớn, dâng nước lên. Nhưng Sơn Tinh làm sấm sét đánh tan mưa gió và hóa phép hể nước càng dâng lên cao bao nhiêu thì núi càng cao bấy nhiêu. Thủy Tinh không thắng được, trở về biển.

Ở nước ta, mỗi năm đều có mùa bão lụt, trên trời sấm sét, gió mưa dữ dội, dưới sông nước vượt tràn bờ. Mùa màng bị phá hoại, nhà cửa hư hao. Dân gian cho rằng đó là Sơn Tinh và Thủy Tinh đánh nhau, gây hại cho thiên hạ.

Câu hỏi gợi ý:

1. Tại sao vua Hùng Vương rất yêu quý người con gái?
2. Ai đến xin cưới My Nương?

4. Lê Quý Đôn (thần đồng nhớ giỏi):

Lê Quý Đôn người tỉnh Thái Bình. Ông rất thông minh và có trí nhớ khác thường. Lên 4 tuổi, thuộc lầu kinh Thi. Lúc 7 tuổi nổi tiếng hay thơ và 20 tuổi thi đậu Bảng Nhãn. Ông làm quan rất siêng năng. Đêm nào cũng thức khuya, dậy sớm để xem xét mọi thư văn. Trong gia đình, ông sống rất giản dị, lại thương yêu và đùm bọc người thân thuộc.

Nhờ học rộng, tài cao, ông viết được nhiều sách quý giá. Học trò ông cũng lắm người đỗ đạt. Về trí nhớ kỳ lạ của ông, sử sách có chép hai chuyện. Một lần nọ, lúc còn nhỏ ông đến chơi nhà một lý trưởng. Ông có xem qua cuốn sổ ghi tên những người thiếu thuế với những số tiền thiếu. Cách ít lâu, nhà lý trưởng bị hỏa hoạn, sổ ấy cháy mất, lý trưởng rất lo lắng. Ông đến đọc cho chép lại nguyên cuốn sổ. Sau đó, những người thiếu tiền đến đóng, quả không sai một chữ, một số nào cả. Một lần khác, ông đi sứ bên Tàu, người Tàu đưa ông đi xem một tấm bia ở bãi sông. Xem vừa xong, nước dâng lên ngập bia hột thử tài ông, hỏi lại bài văn bia. Ông đọc không sót một chữ, làm người Tàu rất thán phục. Lê Quý Đôn nổi tiếng thần đồng nhờ giỏi.

Câu hỏi gợi ý:

1. Lê Quý Đôn lúc còn nhỏ có tài gì?
2. Ông làm quan thế nào?

5. Vũ Công Duệ (ông Trọng trung cang):

Vũ Công Duệ người làng Trình Xá, tỉnh Sơn Tây. Thuở nhỏ thông minh lạ thường. Công Duệ chơi với trẻ trong xóm, lấy đất nặn thành con voi, bắt hai con bướm làm hai tai, cắm con đĩa làm vòi, gắn bốn con cua làm chân, thành ra voi đất mà vẫy được tai, vòi co lên quắp xuống và chân đi được. Ai trông thấy cũng phục cậu bé tinh khôn.

Vũ Công Duệ học đâu nhớ đó, năm 20 tuổi thi đỗ Trọng Nguyên. Khi làm quan, tính khí cương trực, nói ngay làm thẳng, không tự vị ai. Vua phong làm Đô Ngự Sử, các quan rất kính nể. Sau Mạc Đăng Dung cướp ngôi vua Lê, ai không theo nhà Mạc đều bị giết. Ông nhất định không theo, chửi mắng kẻ phản phúc, rồi đeo ấn ngự sử vào cổ nhảy xuống cửa biển Thần Phù mà chết.

Cách mấy mươi năm sau, nhà Lê phục nghiệp. Vua cho đúc ấn ngự sử, đúc mãi không thành. Vua sai người xuống cửa biển tìm ấn trước, quả nhiên còn nguyên vẹn. Vũ Công Duệ quả là một ông Trọng cương trực.

Câu hỏi gợi ý:

1. Lúc còn nhỏ ông Vũ Công Duệ bày cuộc chơi gì?
2. Ông thi đậu Trọng Nguyên lúc mấy tuổi?

III. ĐỊA LÝ

1. Hình thể nước Việt Nam, các nước giáp giới.

Nước Việt Nam thuộc vùng Đông Nam Châu Á, hình thể cong như chữ S. Phía Bắc giáp nước Trung Hoa, phía Tây giáp nước Ai Lao và Cam Bốt, phía Đông giáp Thái Bình Dương và phía Nam giáp vịnh Thái Lan. Nước Việt Nam chia làm 3 miền: miền Bắc, miền Trung và miền Nam.

Diện tích nước Việt Nam khoảng 330,000 km², chừng 4/5 diện tích tiểu bang California.

Câu hỏi gợi ý:

1. Nước Việt Nam thuộc vùng nào? Hình chữ gì?
2. Phía Đông giáp nước gì?

2. Các thành phố lớn.

* **Miền Bắc:** có Hà Nội, Hải Phòng và Nam Định là những thành phố lớn. Hà Nội được mệnh danh là đất “Ngàn Năm Văn Vật” vì có nhiều di tích cổ xưa. Hiện nay Hà Nội là thủ đô nước ta dưới sự cai trị của bạo quyền cộng sản. Hải Phòng là một hải cảng quan trọng và sầm uất của miền Bắc.

* **Miền Trung:** có thành phố Huế, Đà Nẵng và Nha Trang. Huế được gọi là Cố Đô Huế vì đó là kinh đô của các vua nhà Nguyễn ngày trước. Huế có nhiều thắng cảnh đẹp, đặc biệt nhất là các cung điện, đền đài và lăng miếu của các vị vua nhà Nguyễn. Đà Nẵng là một hải cảng quan trọng của nước ta.

* **Miền Nam:** có Sài Gòn, Cần Thơ và Biên Hòa là những thành phố lớn và đông dân của miền Nam và còn là một thương cảng quan trọng được mệnh danh là “Hòn Ngọc Viễn Đông”. Trước năm 1975, Sài Gòn là thủ đô của miền Nam thuộc chính phủ Việt Nam Cộng Hòa.

Cần Thơ là thành phố lớn nằm bên bờ sông Hậu Giang, cách Sài Gòn khoảng 170 km về hướng Tây Nam. Đó là vùng đất trù phú, là vựa lúa, cây trái, tôm cá cung cấp hầu hết các tỉnh ở miền Nam. Cần Thơ còn được gọi là Tây Đô.

Câu hỏi gợi ý:

1. Em hãy kể những thành phố lớn ở miền Bắc ?
2. Tại sao Hà Nội được gọi là đất “Ngàn Năm Văn Vật”?

Tài Liệu Tham Khảo:

1. Quốc Sử Việt Nam – Phạm Văn Trọng và Huỳnh Văn Đô.
2. Việt Sử Toàn Thư từ Thượng Cổ đến Hiện Đại – Phạm Văn Sơn.
3. Địa Lý Việt Nam – Nguyễn Khắc Ngữ và Phạm Đình Tiếu.
4. Thi Ca bình dân – nhà Xuất Bản Xuân Thu.